

LIÊN HOA

NGUYỆT-SAN

AO-HỘI TĂNG-GIÀ TRUNG-PHẦN XUẤT-BẢN



NG HAI MẬU-TUẤT NĂM THỨ TƯ SỐ

2

LIÊN-HOÀ

NGUYỆT-SAN

MỤC LỤC SỐ 2

RẰM THÁNG 2 MẬU-TUẤT

CẦN PHẢI ĐI XA HƠN HÌNH THỨC	LIÊN-HOÀ
PHẬT-GIÁO LÀ MỘT LỄ SỐNG...	Thích THIÊN-CHÂU
THÁI-TỬ GOTAMA XUẤT-GIA	Thích MINH-CHÂU
NIỀM HÂN HOAN CỦA PHẬT-TỬ MIỀN TRUNG	H. K.
BÀI TỤNG TRONG DỊP LỄ XUẤT-GIA	Cụ CHƠN-AN
MỘT NGƯỜI GIÀU LẠ (mẫu chuyện)	Thích nữ THÈ-QUÂN
NHÌN PHẬT-GIÁO QUA ...	Kỹ-sư: UÔNG-TRÍ-BIỀU
CHÙA THUYỀN-TÔN	Thích CHƠN-TRÍ
TÔI NÓI CHUYỆN VỚI BÁC SIÊU	QUẢNG-HUỆ
MỘT CÔNG TRÌNH VĨ-ĐẠI...	Thích THIÊN-ÂN
THẢ NÓ RA EM (Thơ)	HUYỀN-KỶ
CUỘC ĐỜI LÀ THỂ	TÂM-PHƯỚC
TIN TỨC	LIÊN-HOÀ

BÌA DO HỌA-SĨ PHẠM-DẶNG-TRÍ TRÌNH BÀY

CẦN PHẢI ĐI XA

HỒN HÌNH THỨC

CUỐI năm vừa qua, một tin vặt đăng trên các báo hàng ngày ở Saigon đã gây những xúc cảm trái ngược trong các giới độc-giả. Đó là tin hai ông thầy cúng tại một tỉnh ở miền Nam được mời tới cúng ở một tư-gia đã ầu đã nhau kịch liệt vì chê nhau dốt. Gia chủ sau một hồi hoang-hốt đã lanh trí thỉnh tượng Phật trên bàn thờ xuống đặt trước mặt hai người, họ mới buông nhau ra và cúi đầu sám-hối.

Cái tin nhỏ ấy đã làm cho độc-giả không thể nín cười được. Nhưng mỗi người cười một cách. Những độc-giả không tín ngưỡng đã cười một cái cười xòa thích thú như được xem một màn hài kịch ngộ nghĩnh trên sân-khấu; những tín đồ các tôn-giáo khác cười một cái cười khoái-trá; những kẻ theo chủ-nghĩa duy vật cười một cái cười khinh bỉ; những kẻ ưu thời mẫn thế cười một cái cười chua chát; những Phật-tử sơ cơ cười một cái cười găng tức giận; những Phật-tử thuần thành cười một cái cười ra nước mắt.

Sau cái cười ấy, mỗi độc-giả đều có một thái độ khác nhau: người vô tư, thản nhiên bỏ qua tin vặt ấy để tìm những tin khác xem cho vui; người có ác cảm với Phật-giáo phóng-đại tin ấy để bài xích Đạo Phật; có người nguyên

rùa hai ông thầy; có người khen gia chủ lanh trí; có người chê gia-chủ không biết phân biệt những vị chân tu với những phường mượn áo thầy tu để độ nhật; có người dấu kín tin ấy vì sợ xấu lây; có người muốn nêu lên để trừng-trị, làm gương cho kẻ khác.

Đối với Liên-Hoa Nguyệt-San, chúng tôi thấy đấy không phải là một tin động trời không đáng cười dai, mà cũng không đáng khóc dai; không đáng phóng đại, mà cũng không nên bưng bít. Ai đã hiểu rõ tình trạng của Phật-giáo nước nhà, tình trạng của một mỏ vàng than lẫn lộn, đá sỏi xen lẫn với ngọc ngà; ai đã hiểu như thế không lấy làm lạ khi nghe một tin như thế. Áo vàng hay áo nâu của Đạo Phật, trải qua gần 20 thế kỷ trên đất nước này đã mất nhiều tính cách thuần nhất, mà từ đậm đến nhạt, đã phô bày rất nhiều sắc thái, từng bực. Cho nên, nếu mới gặp một vị chân tu mà đã vội cho rằng Phật-giáo Việt-Nam gồm toàn những bậc chân tu, đó là một kết luận nông cạn, hời hợt; chẳng khác gì bảo rằng Phật-giáo Việt-Nam đã suy đồi tận gốc rễ, khi nghe tin hai ông thầy cúng đánh nhau, hay thấy một vài hình thức mê tín ở một ngôi chùa nào đó. Tất nhiên trước một tin như thế, chúng ta không thể thản nhiên xem như không có. Nhưng chúng ta cũng không quá xúc động, la hoảng lên. Chúng ta sẽ bình tĩnh để suy nghiệm, rồi rút ra những bài học bổ ích sau đây:

1.) Nếu là tín đồ, chúng ta không nên quá hình thức, quá máy móc mà cho rằng mọi cái y vàng hay áo nâu đều đáng đại diện cho Phật-giáo cả; rằng mọi lời tụng niệm Kinh Phật đều có giá trị làm cho người ta siêu thoát cả. Nếu chỉ cần một màu vàng, thì đáng lẽ hàng lụa màu ấy sẽ bán chạy biết bao nhiêu! Nếu chỉ cần một vài bài tụng niệm là có thể nói chuyện tu hành thì những đĩa thu thanh kinh kệ sẽ bán chạy biết bao nhiêu! Khi ấy, trong những ngày kỵ giỗ, cầu an cầu siêu, người ta chỉ cần đem máy hát ra, lựa một vài đĩa tụng kinh cho chạy, rồi phủ lên trên máy hát một tấm vải vàng — hay bằng gấm lại càng quý — thế là vong linh được siêu độ, người đau sẽ lành bệnh, chúng sanh sẽ thôi lộng hụp trong biển luân hồi! Có đâu dễ dàng và giản dị

như thế ! Đức Phật-Thích-Ca không phải nhờ y vàng mà trở thành tôn quý; nhưng y vàng đã nhờ Phật mà trở thành quý trọng. Ngài Mục-Kiền-Liên không phải nhờ lời tụng kinh của kẻ không đức hạnh mà cứu được mẹ ra khỏi địa ngục, nhưng là nhờ những vị Đại-Đức chân tu đã đọc những lời kinh ấy. Lời kinh trở nên linh thiêng là do người đọc đã dày công tu luyện, chứ phải đâu con vẹt cũng có thể làm được thầy tu ? Cho nên, trong những ngày kỵ giỗ, đám tang, nếu chúng ta có thể mời được các vị Tăng-già chân chính thì mời, nếu không, thì chúng ta tự tụng niệm lấy, hay hãy thành kính trong yên lặng tinh khiết mà thôi. Chứ nếu chúng ta cứ muốn cho có hình thức « rậm đám » mà mời càn những ông thầy cúng thiếu đức hạnh, thiếu tu học, đến « ề-a » cho có chuyện, thì chúng ta đã mất công, mất của mà lại còn gián tiếp khuyến khích, nuôi sống một hạng người hư đốn, và làm mất thanh danh của Đạo Phật.

2.) Về phía những người lãnh đạo phong-trào chán hưng Phật-giáo nước nhà, chúng tôi yêu cầu phải có một thái độ dứt khoát rõ rệt: không thể dễ dãi dung hòa, trộn lẫn những kẻ chân chính tu hành với những phần tử mục nát, hư đốn trong-giới xuất-gia được! Sự dễ dãi gần như vô tư, hay ý muốn kết nạp tất cả những kẻ mượn lối thầy tu, để cho có một con số đồ sộ, sẽ đem lại những kết quả vô cùng tai hại. Số đông ấy không phải là một sức mạnh, mà chỉ là một gánh nặng, níu kéo những kẻ gánh nó, không cho tiến lên được.

Nếu chúng ta sợ tai tiếng bên ngoài mà che chở, đùm bọc những kẻ hư đốn, thì không khéo tám vãi « bọc » ấy cũng sẽ rách mà cái tinh túy của Đạo Phật do « phong trào chán hưng đạo Phật » đã dày công góp nhặt cũng sẽ tan biến mất, như mực loãng trong hồ nước, như những hạt vàng rơi trong bãi cát.

Muốn tiến bộ, cần phải biết lựa chọn và có can đảm chối từ. Trái lại, là tự hại.



PHẬT-GIÁO LÀ MỘT LỄ SỐNG CỦA NHÂN-LOẠI

I. — HIỀU LẦM PHẬT-GIÁO

Mặt dù mấy mươi năm lại đây, các tổ-chức phục-hưng Phật-giáo trong nước đã nỗ lực nhiều trong công việc phá tan những lớp bụi mờ che phủ Phật-pháp, nhưng vẫn còn một số người hiểu lầm Phật-giáo, nhất là quan niệm: « Phật-giáo không dạy những luân lý cho loài người » Họ thừa nhận Phật giáo là một đạo giáo cao siêu, huyền diệu có ích lợi cho những người muốn nên hiền, nên thánh, nhưng thiếu sự ích lợi thiết thực cho những người đang sống cho bản thân gia-đình xã-hội.

Sự thật thì không như thế. Nên biết rằng: động cơ ra đời của đức Phật là vì tất cả chúng sanh, nhưng đối tượng trung tâm vẫn là loài người. Cho nên giáo pháp của Phật là giáo pháp của nhân loại. Vì thế tất cả những chân lý đạo đức trong kinh điển rất liên quan với đời sống con người. Phật-giáo không phải là luân lý của con người, là lời nói ức đoán, thiếu sự nghiên cứu tường tận.

II. — NGƯỜI LÀ CỬA NGỎ THĂNG TRĂM CỦA CHÚNG SANH

Căn cứ theo kinh điển của Phật-giáo thì tất cả chúng sanh đều là đối-tượng giáo-hóa của đức Phật. Chúng sanh là

một danh từ chỉ chung cho tất cả loài động vật từ hạ đẳng cho đến thượng đẳng. Thế nên đối tượng giáo hóa của đức Phật rất rộng rãi và phức tạp, có loài trí thức và đạo đức thấp kém hơn người, có loài cao hơn. Nhưng loài người vẫn là cửa ngõ thăng trầm của tất cả chúng sanh. Vì ở trong loài người nếu không tiến bộ về đường thiện thì phải sa đọa trong những loài thấp kém hơn; nếu tiến bộ thì sẽ sanh lên các loài cao hơn. Vì thế chúng ta phải chú ý vai trò quan trọng của con người để hướng thiện.

III. - GIÁ TRỊ CỦA LOÀI NGƯỜI

Sở dĩ đặt vai trò quan trọng cho loài người mà không đặt cho các loài cao hay thấp hơn là chính vì loài người có những tính chất đặc biệt mà các loài khác không có.

Người là một loài chúng sanh về tư tưởng thì tự-do hoạt động, có năng lực sáng tạo phong phú, biết nhiều, hiểu rộng; không những biết hấp thụ tất cả những nền văn-hóa, đạo đức của cổ nhân, mà còn biết lựa chọn phân biệt. Cho nên tuy là một trong các loài nhưng là một loài chúng sanh cao nhất có thể dùng trí thức nghiên cứu sự vật và có thể trao đổi sự hiểu biết cho nhau. Chính nhờ sự trao đổi này mà nhân loại mau tiến bộ. Đức Phật thấy rõ loài người có những đức tánh như thế, nên Ngài mới hiện thân trong loài người để giáo hóa.

IV. PHẬT GIÁO RẤT CHÚ TRỌNG ĐẾN ĐẠO ĐỨC CỦA LOÀI NGƯỜI

Tất cả kinh điển chép lời Phật dạy có thể gồm thâu trong ba loại : Giáo pháp Đại-thừa ; giáo pháp của Ba thừa ; và giáo pháp chung cho Năm thừa. Giáo pháp chung cho Năm thừa thuyết minh những phương pháp tu dưỡng mà mỗi người muốn hướng thiện đều phải thật hành để trước tiên hoàn thành cho mình một nhân cách tương đối. nghĩa là áp dụng những lời Phật dạy trong việc cải thiện hành vi, tư tưởng để tạo thành một cuộc sống hợp đạo và ích đời.

Dầu cho muốn hướng thượng tu lên các bậc cao hơn, cũng phải lấy sự tu dưỡng theo phần giáo pháp này làm cơ

bản. Nếu đi sâu vào phần giáo pháp này, chúng ta sẽ thấy rõ Phật giáo rất chú trọng đến đạo đức của loài người.

V. — Ý NGHĨA LỄ BÁI SÁU PHƯƠNG TRONG KINH THIÊN SANH

Trong những bộ kinh thuộc phần giáo pháp chung cho Năm thừa có kinh Thiên-Sanh là đặc biệt hơn tất cả. Quyển kinh này toàn là lời Phật dạy về cách xử kỷ và tiếp vật. Thiên-Sanh là tên người con của một vị Trưởng-giả lúc bấy giờ.

Vì Phật dạy những lẽ sống thiết thực của người Phật tử tại gia cho Thiên-Sanh, nên quyển kinh chép lại những lời ấy cũng gọi là kinh Thiên-Sanh. Thiện, nghĩa là đạo đức, cũng có nghĩa là thân mạng của loài người do thiện nghiệp của mỗi chúng sanh đã tạo trong quá khứ mà có và nhờ những thiện nghiệp trong hiện tại loài người mà duy trì được thân mạng của mình. Muốn thân người có đủ chất người và được còn mãi trong đời này cũng như các đời sau thì phải sống với đạo đức. Nếu không thì thân người đã mất mà còn phải sa đọa khổ sở.

Kinh Thiên-Sanh thuyết minh ý nghĩa sự lễ bái sáu phương. Ở Ấn-Độ lúc bấy giờ có phong tục lễ bái sáu phương, nhưng lễ với một ý niệm mơ hồ cầu xin thần linh trong sáu phương phù hộ. Đức Phật cũng tùy cơ dạy cho ông Thiên-Sanh: Khi lễ phương Đông là lễ Cha Mẹ, phải sinh lòng hiếu kính; lễ phương Nam là lễ Sư-trưởng, phải sanh lòng kính trọng; lễ phương Tây là lễ phu phụ, phải hòa thuận và kính mến lẫn nhau; lễ phương Bắc là lễ quân thần, phải trung - thành giúp đỡ nhau; lễ Hạ phương là lễ chủ tớ, chủ phải thương tớ, tớ phải vâng lời chủ; lễ Thượng phương là lễ hiền thánh, phải kính ngưỡng sùng phụng tất cả hiền thánh.

Như vậy Đông phương là cha con, Nam phương là thầy trò, Tây phương là vợ chồng, Bắc phương là vua tôi, Hạ phương là chủ, tớ, Thượng phương là Tôn-giáo. Con người ở giữa sáu phương thì lúc nào cũng phải sanh lòng kính mến để làm tròn bổn phận đối với những người đã ban ân cho mình hay những người có liên hệ với mình trong cuộc sống.

Quan niệm và thực hành được như thế, là có một cuộc sống đạo đức khả quan.

Chỉ đọc qua đại ý của quyển kinh trong phần giáo pháp chung cho Năm thừa, chúng ta cũng biết được Tam tạng kinh điển của Phật giáo, ngoài những phần cao siêu mà Phật dạy cho các bậc Thượng Căn, Thượng trí, còn có rất nhiều lẽ sống tương đối mà Phật dạy cho chúng ta với mục đích muốn cho chúng ta trở thành những con người, những gia-đình, những xã-hội có đạo đức.

VI. — TIÊU CHUẨN ĐẠO ĐỨC CỦA LOÀI NGƯỜI

Trong Phật giáo tiêu-chuẩn đạo đức của loài người là mười điều thiện. Về phương diện tiêu-cực thì mười điều thiện là :

- Không giết hại sanh vật.
- Không trộm cướp tài sản của người.
- Không tà hạnh với vợ con người

Ba điều này thuộc về hành vi, động tác của thân thể.

- Không nói dối trá.
- Không nói thêu dệt.
- Không nói hai lưỡi.
- Không chưởi mắng người

Bốn điều này thuộc về lời nói.

- Không tham của phi nghĩa.
- Không giận thù người và việc
- Không si mê chân lý nhân sanh, vũ trụ.

Ba điều này thuộc về tâm lý bên trong.

Về phương diện tích cực thì mười điều thiện là :

- Không tàn sát mà nhân ái.
- Không trộm cướp mà làm điều nhân nghĩa.
- Không tà hạnh mà sống lễ tiết.
- Không dối trá mà nói lời đúng đắn.
- Không thêu dệt mà nói lời chân thật.
- Không hai lưỡi mà nói lời hòa giải.
- Không chưởi mắng mà nói lời êm dịu.
- Không tham lam mà bố thí?
- Không nóng giận mà từ bi.
- Không si mê mà trau dồi trí tuệ.

Với mười điều thiện này cũng đủ cho nhân loại cải tạo và xây dựng cuộc sống hòa bình an lạc.

VII.— CHỮ THIỆN TRONG PHẬT-GIÁO

Thiện là danh từ miêu tả tính chất đạo đức của Phật-giáo. Nhưng ý nghĩa của chữ Thiện trong Phật-giáo ra sao? — Nói một cách đơn giản là tất cả những ý niệm, ngôn ngữ và hành vi có lợi mà không hại, có ích mà không tổn, cho mình cũng như cho người, không những trong hiện tại mà cả tương lai thì gọi là Thiện.

Cái định nghĩa chính xác đầy đủ này làm cho người muốn hướng thiện một cách cứu kính vô cùng thỏa mãn. Họ không còn bị gò bó trong cái vỏ bản-ngã hẹp hòi, chỉ lo lợi riêng mà không nghĩ đến ích chung và nhận chân được giá trị quý báu, lâu dài của việc làm, mà họ đã dày công tạo tác.

VIII — TINH THẦN TỰ LỢI LỢI THA

Phật dạy phạm làm một việc gì cũng phải lợi mình lợi người — Tự Lợi, Lợi Tha —. Tinh thần tự lợi lợi tha được biểu hiện trên động tác hành vi của một người, tức người ấy có đạo đức. Nhưng phạm vi của hai chữ tự và tha không phải chỉ thu hẹp trong bản thân của một cá nhân và một người khác mà rộng rãi bao la hơn. Nếu lấy mình làm «tự» thì nhân loại hay tất cả muôn loài là tha. Nếu lấy quốc gia của mình làm «tự» thì tất cả quốc gia trong quốc tế là tha. Giới hạn của hai chữ tự tha đã không cố định thì ở trong phạm vi nào người Phật tử cũng phải làm sao cho cả hai điều được lợi ích, và có như thế mới hợp với tinh thần bình đẳng của Phật-giáo.

Nhịp nhàn với bản thể đồng nhất và căn cứ theo chơn lý «một là tất cả, tất cả là một» thì chúng ta phải tránh tất cả những hành vi có tính chất tổn hại kẻ khác, cũng tức là tự hại, và cố gắng thực hiện những việc làm có lợi cho người cũng tức là lợi cho mình.

IX. — KẾT LUẬN

Tóm-lại sau khi trình bày qua quan niệm của Phật giáo đối với giá trị của loài người và một vài tiêu chuẩn đạo đức mà đức Phật đã dạy, chúng ta có thể kết luận một cách hùng hồn :

Phật giáo quả là một lẽ sống cao rộng cho những người muốn hướng đời mình theo nẻo thiện.

Phỏng viết theo THÁI-HƯ PHÁP-SU
THÍCH-THIỆN-CHÁU

Thái-Tử GOTAMA xuất-gia

(Đây là một đoạn trích dịch trong Kinh Majjhima Nikaya,
đức Phật tự tả lại khi Ngài xuất gia)

« Các Phật-tử, trước khi Ta giác-ngộ, chưa thành Phật mà chỉ là một vị Bồ-Tát. Ta còn phải sống chết chi phối, và theo tìm những vật còn bị sống chết chi phối. Tự thân Ta còn bị già, bệnh, chết tự thân Ta còn phải khổ; đây những phiền não, Ta theo tìm những vật còn bị già bệnh chết, khổ, đây những phiền não.

« Rồi Ta tự nghĩ: Tại sao tự thân Ta đã bị sống chết, khổ, đây phiền não... Ta lại còn theo đuổi các vật cùng đồng một loại. Tự thân Ta đã bị... và đã thấy sự đau khổ thiết thòi của các vật vô thường chi phối, tại sao Ta lại không hướng tìm những gì vô thường, an tịnh, Niết Bàn? Tự thân Ta đã bị già bệnh, chết, khổ và phiền não chi phối và đã thấy rõ sự đau khổ thiết thòi (của các vật bị già, bệnh, chết, khổ, phiền não chi phối)? sao Ta lại không hướng tìm những gì trong sạch, vô thường, tịnh lạc, Niết-Bàn.

Này các Phật-Tử! sau một thời gian, khi Ta còn là một thanh niên, tóc đen nhánh, tràn ngập hạn phúc tuổi trẻ, trong tuổi xuân hồng hái nhiệt thành, ngược với ý muốn của song thân Ta buồn khóc đau đớn, Ta cạo bỏ râu tóc. mặc áo hoại sắc, và từ bỏ đời sống gia đình sống đời sống thoát tục.

Và Ta nay đã thành một kẻ lãng du; một người tâm đạo hướng tìm chí thiện, Vô Thường, Tịnh Lạc.

(Sau khi học đạo với Ngài Alara Kalàma và ngài Uddaka và nhận thấy cảnh giới Vô-Tướng và Phi tướng phi-phi-tướng xứ chưa phải cứu cánh giải thoát. Thái tử tự mình đích thân hành trì tu tập)

Này các Phật tử, trong cuộc tìm đạo an tịnh vô thường trong khi du hành giữa dân chúng xứ Magadha (Ma kiệt Đà) Ta đến tại Uruvela (Uu lâu Lầu Loa). tại đây Ta thấy một chỗ xinh đẹp, một khu rừng vui mắt và một con sông nước trong chảy gần, rất dễ đến và khả ái. Và không xa, là một làng Ta có thể đến xin ăn. Này các Phật-tử, Ta nghĩ rằng: Thật xinh đẹp thay chỗ này! thật vui thích thay khu rừng này! với con sông nước trong chảy gần, rất dễ đến và khả ái và không xa các làng, Ta có thể đến xin ăn. Thật thuận tiện thay chỗ này cho những ai tha thiết tự giải thoát tinh tấn tu hành,

Rồi này các Phật-tử, Ta ngồi xuống chỗ ấy và nói rằng:

« Thật là một chỗ rất thuận tiện tinh tấn hành đạo».

(xem tiếp trang 31).

NIỆM HÂN HOAN CỦA PHẬT-TỬ MIỀN TRUNG

SAU một năm làm Phật-sự, vào thượng tuần tháng ba dương-lịch vừa qua, người Phật-Tử miền Trung lại về Huế dự Đại-Hội-Đồng Tông-Hội Phật-Giáo Trung-Phần. Trong cuộc gặp gỡ này, ngoài sự kiểm điểm tu-học ra, người Phật-Tử miền Trung còn phải bày tỏ cho nhau những sự gian khổ trong một năm phục-vụ Đạo-Pháp, những nỗi niềm hân-hoan, những tâm-hồn son sắt đã từng thử lửa với cuộc đời, và nhất là đã từng thắng mọi trở lực do ma-chướng gây nên.

Với niềm tin tưởng vô-biên, trước khi khai-mạc Tông-hội-đồng, thay mặt Tỉnh-hội Thừa-thiên, một Đạo-hữu đã chào mừng Đại-hội bằng những lời kiên-cố :

«... Tin vào oai-linh Tam-bảo, tin vào xu hướng quay về dân-tộc tính của toàn dân, và tin vào tài năng lãnh-đạo của Tông-hội-đồng, nên Phật giáo xứ nhà thế nào cũng khắc-phục được mọi trở ngại, mau đến bến vinh-quang, để làm thỏa mãn lòng khát vọng của toàn thể Phật-giáo-đồ và đồng-bào trong nước.

Chúng tôi tuy tài hèn sức mọn ở rải-rác khắp nơi, từ thành-thị phồn-hoa đến thôn-dã hẻo-lánh, nhưng cũng đồng nguyện luôn luôn làm người Phật-tử trung kiên và cố gắng thi-hành những quyết-ngự hữu hiệu mà Tông-hội đồng sẽ ấn định, để cùng nhau đem lại sự vẻ-vang cho Đạo-pháp, phò lợi nhân-quần...»

Ý-thức được trách nhiệm của người Phật tử trong giai đoạn hiện tại, một Đạo-hữu đại diện Tông-hội-đồng đáp-từ Tỉnh-hội Thừa-thiên bằng lời nhận chân đường lối phục-vụ Đạo-pháp :

« ... Hơn bao giờ hết, trong giờ phút hiện tại này, khắp cả 13 Tỉnh hội, chúng tôi đã ý-thức được trách nhiệm của mình dưới sự hướng-dẫn của Tổng-hội là không những đối với Đạo-pháp thôi, mà còn đối với dân-tộc nữa, vì qua sức truyền thống của giếng nôi, Phật-giáo chúng ta đã gắn liền với dân-tộc. Nên chúng tôi đã thấy rằng, làm việc Đạo chính là làm một công việc vô cùng vi-dại, vì nó liên quan đến vấn đề tồn vong của dân tộc, nên dù có gặp cảnh ngộ nào chăng nữa, chúng tôi cũng cương-quyết bảo-vệ đạo Từ-Bi cho giếng nôi. Cũng vì vậy mà chúng tôi thấy trong giai đoạn hiện-tại yếu-tố TÌNH THƯƠNG là một yếu tố quan-hệ. (Quan-hệ không những đối với dân tộc chúng ta, mà nó còn là một yếu-tố quan-hệ cho cả nhân loại trên thế-giới, nên trong lúc chúng ta làm việc Đạo có lợi cho dân-tộc đã dành nó còn có công to lớn cho cả nhân-loại trên thế-giới... ».

Trước giờ khai mạc, trong quang-cảnh trang-nghiêm của Đại-hội, dưới sự chứng-minh của liệt vị Hòa-Thượng, chư vị Đại-đức Giảng-sư của Tổng hội và Đại-biêu của 14 Tỉnh-hội, Thượng-tọa Thích-Trí-Quang, Phó-hội-Trưởng Tổng-hội đã đọc diễn-văn khai mạc, và trong bài diễn-văn đó Thượng tọa cho Đại-hội biết bằng những lời kinh-nghiệm đầy sáng suốt :

« ... Thời nay, biết chánh-pháp chưa khó, mà phục vụ chánh-pháp mới thật khó khăn. Nhưng nỗi khó khăn ấy, như tôi vừa tường trình đã biến thành những mối khích lệ đến nỗi tôi phải nói rằng đã làm ngạc-nhiên những người nhúng tay vào việc khó khăn đó.

Thế nên chúng ta chỉ còn nhất tâm-niệm Phật mà làm việc. Lịch-sử giai-đoạn đang chứng-minh cái Đạo-chân chính thì phát triển mạnh-mẽ trong trường hợp mâu thuẫn như vậy... »

Trong một chuyến đi thăm anh chị em Huynh-trưởng và các em thanh thiếu niên Phật tử tại chùa Quốc-Ân, thay mặt Tổng-hội-đồng, Giảng sư Thích-Mãn-Giác, đã ứng khẩu huấn-từ :

« ... Ngày trước, ông DIOREIN, một nhà hiền triết Hy-Lạp tr. ng ban ngày đã cầm đuốc đi kiếm một người giữa đám chợ đông. Ngày nay, trong một niềm tin tưởng sáng suốt, không cần tìm-kiếm anh chị em Huynh trưởng cũng như các em đã gặp nhau rất nhiều qua tâm hồn phụng-sự Đạo-pháp.

Ngày trước, bên một sườn non hiu quạnh, Bá-Nha và Chung-Từ-Kỳ đã cảm thông nhau qua một bản nhạc. Ngày nay, từ thành-thị đến thôn quê khắp cả 14 Tỉnh hội chúng ta, dưới bóng Từ Bi của đức Phật, anh chị em Huynh-trưởng cũng như các em đã cảm-thông nhau qua tình thân-khả>-phục, chịu đựng gian-khò để phục vụ Đạo pháp và hướng-dẫn thế-hệ mai sau tu học. Và cũng ngày trước, Thiếu-nữ Tu-Xà-Đề đã dâng một bát

sửa cúng d'ờng Thái-Tử Tát-Đạt-Đa, mang lại nguồn sống dồi dào trong thân Phật, ngày nay với tuổi thành-niên, trong gia-đình, ngoài xã-hội, anh chị em Huynh trưởng cũng như các em có bồn phận thay mặt các bậc Đại-đức và các bậc mang nguồn sống Đạo-pháp ra tung vãi giữa cuộc đời.

Đó là những điều vinh dự, những niềm sung sướng, nhờ duyên lành kiếp trước nên hôm nay anh chị em Huynh-trưởng cũng như các em được thụ hưởng »

Điều mà chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây, là cũng trong dịp Tổng-hội đồng này, Thượng-Tọa Thích-Trí-Thủ, Giám-viện Phật-học-viện Tổng hội, đã tường-trình si-hoạt của Phật-học-viện trong mấy năm qua, mặc dù là đương ở trong tình trạng thiếu-thốn, nhưng cũng đã đem lại nhiều kết quả tốt đẹp cho Phật-giáo nước nhà. Khi nghe Thượng-Tọa cho biết: hiện nay Phật-học-viện đã gọi các Thầy Học tăng đi du-học ngoại-quốc. Trong số ba thầy du-học, thầy Thiên-Ân ở Nhật Bản, năm ngoái đã đỗ bằng Văn-Học-sĩ, thầy Trí-Không ở Anh-quốc đã đỗ Cử-nhân Anh-văn, Thầy Minh-Châu, năm nay tốt nghiệp Đại-học Phan-văn (Sancrit) và Ba li văn (Paly) ở Ấn-Độ, Thầy Minh-Châu hiện tòng học tại Đại-học-đường N.landa. Phật-học-viện đương lo học-phí cho thầy Trí-Không và thầy Thiên-Ân. Riêng thầy Minh-Châu vừa được chính-phủ Ấn-Độ cấp học bổng.

Nói đến kết quả quý thầy học-tăng du-học, Thượng-Tọa Trí-Thủ chưa dứt lời, tất cả Đại-hội đã hân-hoan vỗ tay, làm cho phòng họp trở nên vui mừng náo nhiệt. Thực là một niềm hân-hoan đầy tin-tưởng của Phật-tử miền trung vậy

H. K.

BÍNH CHÁNH

Số một vừa rồi trong bài Chùa Thuyền-Tôn trang 22 và 23, hai câu đối
án-công sắp chữ và chêm phết sai vài chỗ, nay chúng tôi xin đính chính :

Câu đối trang 23 : **Mê tôn chuông xuất từ Thuyền**

Xin đọc : **Mê tôn XANH xuất từ Thuyền**

Câu đối trang 23 xin đính chính toàn câu dưới đây, đề đọc
giả xem lại.

Thuyền tâm minh tịnh, tam giới phổ từ bi, tùng Hương-
quốc lai Chấn-dân kinh thanh truyên Phật-pháp.

Phạm xá trang nghiêm, thập phương qui tể-độ, tổ Cảnh-
hưng nhi hậu Thiên-Thai sơn sắc áng Thần kinh.

Tạm dịch :

Trời thuyền mây lặng, bóng từ-bi che phủ cõi Tam-thiên
pháp âm từ Hương-quốc đưa về, bảo vệ chuông rền hồn Chấn đán

Cung phạm trang lồng, gương trí-tuệ chói lòa cơ vạn loại
cổ chí tự Cảnh hưng trở lại, Thiên-Thai sắc đượm cảnh Thần kinh

Mong quý độc-giả hoan hỷ cho sự sơ suất này.

BÀI TỤNG TRONG DỊP LỄ VÍA XUẤT-GIA

Kính lạy BỒ-TÁT TẮT ĐẠT-ĐA,
Tánh đức từ-bi hằng biểu lộ
Trải bao cuộc du-hành mục-đồ (1)
Xót sinh-linh kiếp số trầm-luân.
Cảnh sanh già đau chết gian truân
Luống chịu khổ không ngừng gây khổ.
Mê chấp tánh tham si tật đố (2)
Mãi cùng nhau vầy ở oan-gia.
Nợ tuần hoàn vay trả không xa,
Trong sáu đạo trùng phùng quanh quẩn.
Bồ-Tát đủ BÀ-TÂM lân mẫn, (3)
Quyết hy-sinh độ tận hữu-tình.
Đoạn ái-ân phú-quý riêng mình,
Chọn diệu sống quang-minh vô trụ, (4)
Tìm hạnh-Phúc lâu dài đầy đủ,
Cùng quần sanh hưởng thú yên lành.
Gặp tuần trăng giữa lúc đêm thanh,
Rời cung cấm băng thành tìm đạo.
Hiếu tình đặt ra ngoài quyền sáo, (5)
Mở lòng thương Đại-tạo (6) bao la.
Chiếc thân vui bạn với yên hà, (7)
Theo tiếng vọng không trung gọi nhắc
Lên yên ngựa cùng tôi Xa-Nặc
Lướt bụi hồng hương nẻo rừng xanh.
Non sông gấm-vóc thiên thành, (8)
Cỏ hoa hơn hở bao quanh đón chào.
A-Nô-Ma sóng vỗ rạt-rào,
HY-MÃ-LẠP tuyết ngồi lóng lánh,
Nơi đánh dấu bước đường lên thánh.

Dừng vó câu (9) thả gánh tang bằng (10)
 Gửi lời về tẩu trước bệ-rồng,
 Cầu Vương-phụ giải lòng trông đợi.
 Rừng khỏ-hạnh lần dò bước tới,
 Xét hành nhơn (11) làm lỗi nhiều phương,
 Bởi người chưa rõ lý chơn-thường,
 Hạnh kỳ-đặc (12) hồi đầu vô ích.
 Tạm dời gót trên đường điều tích, (13)
 Tìm tận nơi tịch-mịch thiên-nhiên.
 Trọn sáu năm núi tuyết tham thuyền,
 Kham chịu cảnh màn trời chiếu đất;
 Đầy ba đức (14) cõi lòng chơn-tĩnh,
 Không ngại ngừng thú dữ ma thiêng.
 Công-đức vừa đầy đủ nhơn duyên,
 Trên pháp tọa BỒ-BỀ chứng quả,
 Hóa độ khắp Đại-thiên (15) thiên hạ,
 Muôn loại đều một dạ ghi ơn.
 Chúng con nay phát-nguyện tu nhơn (16)
 Nhờ tấm gội từ-vân pháp-vũ, (17)
 Trước Bửu-điện trì kinh niệm chú,
 Kỷ-niệm ngày lịch-sử thiên-đ-
 Cúi xin Phật, Pháp, Thánh, Hiền,
 Gia-hộ chóng tiêu trừ nghiệp chướng;
 Ngưỡng mộ Đấng Pháp-Vương Vô-Thượng
 Nhứt tâm đồng đánh lễ quy-y.
**NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH CA MÂU-NI
 PHẬT (3 lần).**

Đệ-Tử: CHƠN-AN cung soạn

GIẢI - THÍCH :

(1) Mắt thấy (2) Ganh ghét (3) Tâm rộng lớn (4) Bồ-Tát không trụ sanh-tử, không trụ Niết-bàn (5) Lệ thói thường tình, phạm vì nhỏ hẹp (6) Nghĩa là vũ-trụ (7) Khói mây, ý nói xa chốn phần hoa (8) Tự nhiên (9) Con ngựa (10) Đánh Đông dẹp Bắc (Tang bằng hồ thi) (11) Người tu hành (12) Hiếu kỳ, lập đi, sai chánh pháp (13) Dầu chìm đi, đường mòn ở chốn hoang vu (14) Trí đức, đoạn đức và ân đức (15) Pháp giới, đại thiên thế giới (16) Tu nhơn lành (17) Mây từ bị, mưa chánh pháp; ý nói nghe được Phật pháp.



MỘT NGƯỜI GIÀU LẠ

THÍCH-NỮ THÈ-QUÁN

NGUỒI khách lạ ấy lại dừng chân trên một Đô-thị lớn. Sau khi trình giấy tờ của mình cho nhà chức-trách xong, ông tìm một chỗ trọ để nghỉ ngơi. Và tuy đã giữ một phong trần, nhưng hai chữ tang-thương vẫn in đậm trên chiếc mũ dạ bạc màu và đôi "giày" cũ-kỹ.

Đây là một nhà khảo-cổ tính hiếu kỳ cũng ngang với tính hiếu danh nên nguyện vọng của ông là chỉ muốn chu du liệt quốc (1) để thâu thập những chuyện lạ của muôn phương. Ông đã từng ngồi bên các cụ già chín mươi mười tuổi hay trọn ngày bên bà lão già nua để nghe lại những quá khứ của thời đại.

Ông thường ao ước có một ngày nào đó, khắp hoàn cầu sẽ biết danh biết mặt mình, khi mà ông đứng giữa một nhân vật ba đầu sáu tay hay một con thú năm chân bảy đuôi chẳng hạn.

Rày đây mai đó ngót 20 năm, và ở đây cũng như nhiều nơi xa lạ khác, ông vẫn một mục đích để quan sát những kỳ quan của vũ-trụ và nhân-sinh.

Lưu trú đây đã ngót tuần lễ, song đó thành hoa lệ chưa có gì được nhà khảo cổ để mắt đến, ông ta đi lang thang

khắp thành thị thôn quê, cả đến chốn núi rừng biển dã, nhưng cũng chưa có gì đáng chú ý.

Một hôm đi đến một trái núi nọ, dựa bên chơn núi là thảo am của một vị Thuyền-sur, nhà khảo cổ muốn vào quan sát xem họa may có gì kỳ lạ chăng? Khi yết kiến vị Thuyền-sur xong, ông trình ý muốn của mình tình cờ lại được vị sư cho biết: cách trái núi này chừng năm sáu dặm, còn có một trái núi cao hơn trên đỉnh núi có một ngôi mộ và một tấm bia đá rất lớn. Vì núi rất hiểm trở khó đi, không ai lên được nên không biết trên bia ấy khắc những gì, nhưng tấm bia dựng lên đã lâu lắm, chính Thuyền-sur được nghe một vị kỳ cựu (2) trong làng nói lại khi ngài mới đến ở đây?

Nhà khảo cổ mắt sáng hẳn lên, tình hiếu kỳ kích thích mạnh, nên ngày hôm sau ông ta tìm một người bạn dẫn đường. Thế là 2 người sắm đủ lương thực đem đi trải hai ngày ròng rã mới leo lên đến đầu chót núi là chỗ dựng bia. Ngôi mộ kia quả thật cả một kỳ công, nhưng mừng hơn hết là khi thấy tấm bia đồ sộ ngang nhiên hiện ra trước mắt. Vì lâu năm quá nên rêu xanh bọc dày đã biến thành màu đen sẫm. Ông lại càng sung sướng và chắc chắn thế nào những hàng chữ trên tấm bia kia cũng làm thỏa mãn tính hiếu kỳ của mình. Nếu những hàng chữ ấy không ghi lại một sự nghiệp vẻ-vang của người thiên cổ, thì cũng phải lưu lại một kỷ công oanh-liệt của thời xưa. Ông quên cả mệt nhọc, vội-vàng cùng người bạn tìm cách để cạo sạch rêu xanh, thêm vào đó mất nửa ngày những hàng chữ kia mới lần lần hiện ra. Nhà khảo cổ mang kính vào và leo tận trên đầu bia để xem, ông bạn thì giấỵ bút chực sẵn ở dưới, nhà khảo cổ chỉ việc đọc cho bạn chép, và đây là những hàng chữ ông đã đọc để bạn ghi lại (vì chữ Tàu nên đây tôi tạm dịch lếu láo xin đọc giả lượng thứ cho).

Ông Nguyễn-văn-Mồ.

Ở làng sanh năm tháng ngày giờ

Khi cha mẹ mới sinh ông ra thì ông cũng bé nhỏ như các trẻ em khác vậy. Rồi nuôi bằng sữa mẹ thêm sữa bò. Ông lớn lên có vợ, rồi ra làm ăn, không bao lâu ông trở thành một nhà đại phú và đây là sự nghiệp ông để lại: ruộng cò bay thẳng cánh; đồn điền cò bay thẳng cánh; nhà lầu

phổ cho thuê cò bay thẳng cánh; con cò bay thẳng cánh; vợ cò bay thẳng cánh. Ông bị đùng độc trong một bữa tiệc rồi tạ thế năm tháng ngày giờ

Dưới ký: nhưt tụ thệ nhi khắp lập:

Cũng tạm dịch: một đồng vợ con khóc lăm, khi dựng bia này.

Mặc dầu trời lạnh, nhà khảo cổ vẫn toát mồ hôi. Khi ông bạn cất cặp kính nhãn lên hỏi: còn chỉ nữa không? thì nhà khảo cổ đương riu-riu leo xuống. Trời tối thật sự hai người lại phải đắp chung cái áo đi mưa để ngủ thêm một đêm vô duyên trên triền núi lạnh.

Nhưng nhà khảo cổ trần troc suốt đêm, phải chờ ông đã nghĩ gì về đến tấm bia ấy? Đợi khi gà rừng bắt đầu te te gáy, và khi sao mai hiện rõ trên nền trời xanh thì nhà khảo cổ thức bạn dậy:

Này ông bạn ơi! Mấy hàng chữ trên tấm bia kia đã giúp tôi nhiều lý-thú của chữ «sống» ông bạn ạ! và chính vị Thuyền-sư đã dạy tôi một bài học «không lời».

Ông bạn còn ngái ngủ nhưng không khỏi ngạc nhiên khi nghe câu nói ấy. Ông chưa kịp hỏi thì nhà khảo cổ tiếp:

— Thật là người giàu lạ, lạ nhưt là cả cái sự nghiệp vĩ đại ấy, chỉ vừa đủ gói trọn một con người vô dụng, để rồi chết giữa một đồng vợ con và ruộng vườn cò bay thẳng cánh thế thôi, trên tấm bia kia không biết đã than thở đến mấy trăm lần với nắng mưa cho con người chỉ biết sống trong dục vọng ích kỷ, và chết trong dục vọng ích kỷ! Tấm bia này chắc là vợ con ông Mồ đã nhờ một nhà văn nào khắc đề kỷ-niệm. Nhưng gặp phải nhà văn trào phúng mà trọn cả gia-dình ấy không ai đọc được (vì chữ Tàu).

Song chính tôi nếu lại cũng để cho dục vọng lời cuốn theo tính hiếu kỳ, đi theo đuổi những cái nhọc tâm khổ thân, để cầu cái chút hư danh không đem lại cái gì lợi ích thiết thực cho nhân loại cả, thì dù cho lang-thang đến trọn đời rồi cuộc cũng cò bay thẳng cánh như ông Mồ này, chớ thật không ích lợi chỉ cho thân tâm cả. Hôm nay nhờ vị Thuyền-sư khai thị cho, tôi được được giác-ngộ thì thời gian đã làm mất bộn bề tuổi tác của tôi. Tôi tiếc quá ông bạn ạ!

Trời sáng hẳn, hai người lại li hục lần xuống núi. Nhưng nhà khảo cổ hôm nay không phải nhà khảo cổ của hai hôm trước nữa.

Ông đăm-chiền suy-nghĩ, suy-nghĩ một cuộc cải cách lớn đời ông. Rồi hai người cứ đi trong im lặng.

Lúc đến gần thảo am ông dừng lại, người bạn bất giác cũng dừng theo. Rồi cả hai cùng vào thảo am.

Đứng trước sân, nhà khảo cổ còn ngập-ngừng chưa dám vào, vì nhằm lúc vị Thuyền-sur đương dạy các đệ-tử. Tiếng giảng kinh của vị sơn tăng lạnh-lãnh như tiếng đồng kêu hàm ần cả oai-nghiêm và đức-dộ.

— *Này các đệ tử! « Đây là điều giác-ngộ thứ tám của chư Phật và các vị thánh nhân: hãy quan sát mọi sự thống khổ của chúng sanh mà phát tâm Bồ-đề, nguyện cứu độ mọi loài ra khỏi cảnh đau khổ, vì vậy nên không kể thân mạng, nguyện lao mình vào trong cảnh khổ để thay thế hay ban ơn cho chúng sanh, như ngài Địa-Tạng Bồ-Tát phát nguyện rộng lớn « ở địa ngục chưa hết tội nơn, thì tôi nguyện chưa thành Phật »,*

Vì sao vậy? Vì chư Phật và các vị Bồ-Tát quan sát tất cả chúng sanh với mình vốn chung một bản thể, cho nên chỉ biết vui cái vui của chúng sanh, và khổ cái khổ của chúng sanh. Ngày nay chúng ta là người con Phật phải học theo hạnh nguyện của chư Phật và Bồ-Tát, nguyện đem lại hạnh-phúc cho mọi loài, tận lực làm lợi ích cho mọi người, nguyện đem cái thân phải già phải chết này để phụng sự chúng sanh, và có được như vậy mới thật không thẹn khi tự xưng mình là Phật-tử ».

Giọng Thuyền-sur như rót vào tai nhà khảo cổ, người ngo-ngần nhìn lên trên vách thảo am bỗng thấy thêm câu:

Phú quý tợ song tiên mà quá.

Công danh như thảo thượng đầu sương.

Tạm dịch:

Giàu sang như bóng ngựa qua

Công danh như giọt sương sa trên cành.

Như người mù vừa sáng mắt, nhà khảo cổ cầm chặt tay bạn: thời chúc ông bạn một đời sống lợi ích, chúng ta sẽ có ngày gặp nhau, nay thảo am đây là chỗ dừng của con người gió bụi này. Ông bạn hãy về đi kẻo tối.

(1) Đi khắp các nơi.

(2) Già lắm.



NHÂN PHẬT-GIÁO QUA MẮT NHÀ KHOA - HỌC

Tác giả : UÔNG-TRÍ-BIỂU

Dịch giả : LIÊN HOA

Uông-Trí-Biểu là một kỹ-sư điện-học Trung-Hoa. Năm 1924 sau khi ông tốt nghiệp ngành giáo-dạy điện-cơ (hay giao-lưu phát-điện-cơ = Alternating current dynamo) ông giữ trách-nhiệm biên-tập-viên cho Thương-Vụ ấn-thơ-quán (Thương-Hải), nhờ đó ông được ở Thương-Hải bên cạnh chú ông là một người rất uyên-thâm Phật-pháp. Ngày ngày nhờ sự chỉ dẫn của chú ông, lại nhờ đọc được nhiều sách tại Đông-phương đồ-thơ quán, nên ông rất tiến-triển về Phật - học. Sau ông lại sang Mỹ để nghiên - cứu thêm về ngành vô-tuyến-điện tại Đại-học-viện. Lần này về nước (Trung-Hoa), có lúc ông phục - vụ trong Không - quân, có khi ông lãnh trách nhiệm của chính-phủ Hồ-Bắc ủy-thác khai - khẩn lâm - sản tại Ngọc - Tây, có khi ông giữ chân biên đính danh-từ Điện-công, thế cho Trung-quốc kỹ-sư học-hội, và từng trải qua 6 năm chuyên phiên-dịch sách khoa-học. Khoa-học giỏi, Phật-học thông, lại có chí phụng sự Phật-pháp, nên ông đã noi gương Bác-sĩ Vương-quí-Đông (Tiêu-Từ) viết ra nhiều bài về Phật-pháp và khoa-học.

Lược sử này trích trong

P. G. V. N.

LỜI NÓI ĐẦU

Phật-giáo, một tôn-giáo rất xưa, đã từng bị người ta cho là mê tín. Cừ nhìn ở mặt ngoài nó thì thật là đặc cả màu sắc tôn-giáo; như trông thấy tượng Phật trang hoàng, chuông khánh hôm sớm, người ta đã nói là lay pho tượng tạc, đến thấy sự sanh-hoạt của Tăng chúng trong chùa, thì người ta cho là hạng vô ích cho xã-hội. Nhưng nào ai đã

biết bên trong của Phật-giáo một việc làm, một vật dụng đều căn cứ trên lý-luận cả, ngặt vì cái lý-luận ấy rất cao siêu, không phải chỉ một vài câu đủ giải rõ được, mà cần phải có một nền tảng học vấn tương đối mới hiểu thấu. Vậy ai mà bảo Phật-giáo là mê tin thì chính người ấy đã mắc bệnh mê tía rồi, bởi vì người ấy chưa hề nghiên cứu Phật-lý chút nào, thậm chí có khi những việc thường-thức mà cũng không hiểu nữa, hạng người này chỉ nghe người ta nói vậy mình cũng nói vậy, ấy mới thật là mê-tin, mê tin theo lời hồ đồ của kẻ khác mà không tự biết.

Phật-giáo có thể gọi là Tôn-giáo, mà cũng nói không phải Tôn-giáo được, cái đó tùy theo người ta định nghĩa hai chữ Tôn-giáo bằng cách này hay cách khác. Nếu người ta đem nghĩa chữ religion của Pháp để giải nghĩa chữ Tôn-giáo thì Tôn-giáo có nghĩa là sùng-bái một vị thần hay nhiều vị thần; trong trường-hợp này thì căn bản của Phật-giáo không phải là Tôn-giáo, vì Phật-giáo không chủ trương có thần quyền. Nếu người ta giải thích theo nghĩa rộng, thì việc gì có tánh cách cao-cả, có tánh cách giáo-lý để dạy đời, gọi là Tôn giáo; đại khái như Khổng-giáo, Đạo-giáo, trường hợp này thì Phật-giáo cũng nói được là Tôn-giáo.

Từ khi khoa-học phát-đạt, cái Tôn-giáo với nghĩa hẹp, sùng bái một vị thần hay nhiều vị thần, đã bị công-kích rồi. Phật-giáo thì khác, khoa-học càng Xương-minh, giáo nghĩa của Phật-giáo càng phát huy sáng lạng, mấy nệm lại đây Phật-giáo trên thế-giới, ngày thêm hưng thịnh, thiệt đã đi đôi với sự tiến bộ của khoa-học. Trong hàng ngũ Phật-giáo-đồ, những nhà khoa-học, kỹ-thuật, không phải là ít, đó cũng là vì lý luận của Phật-pháp đã được khoa-học xét nghiệm thấu đáo, cho nên những nhà khoa học mà học thuật càng sâu thì lại càng giải thích được những vấn nghĩa trong kinh Phật mà ta không giải được. Vậy mới biết bao nhiêu sự tướng trong kinh Phật mà người thường cho là mê tin, đều có một nền tảng lý luận cứng rắn và lành mạnh. Tác-giả căn cứ vào đây mà viết tập : Nhìn Phật-giáo qua mắt nhà khoa học. (Phật-giáo khoa-học quán) này và xin trình bày các giải thuyết như sau.

(Còn nữa)

Chùa Thuyền-Tôn

THÍCH - CHƠN - TRÍ

Kính dâng Hòa-Thượng Thuyền-Tôn và mẫn tợng
các vị Thanh-niên Học Tăng ở các trường Phật Giáo

(Tiếp theo kỳ trước và hỡi)

Còn hai chái của tiền đường là nơi để chuông trống, ở đây một thành-tích công-đức mà cũng là một dấu-tích lịch-sử đáng chú-ý, ấy là quả đại-hồng-chung (quả chuông lớn). Quả chuông này trọng lượng có 850 cân, đúc vào ngày 7 tháng 3 năm Đinh-mão, tức mùa xuân năm Cảnh-Hung thứ 8 (1747) vậy. Quả chuông này do một Phật-tử tên Mai-văn-Hoan, pháp-danh Tể-Ý làm chức Thái-giám đương thời cúng. Theo lịch-sử của chùa thì chính vị Thái-giám này là người có công lao nhiều hơn cả trong công việc xây cất chùa, đúc chuông và cúng ruộng đất làm lương đồng lâu dài cho Tam-Bảo. Nhưng sau bị giặc Tây-Sơn phá-phách, chùa bị sụp đổ một phần lớn. Đến khi vua Gia-Long bình định được giặc giã dân chúng được an-cư lạc-nghiệp. Bấy giờ có bà phu-nhân Bình-Tây Tướng-quân tên là Lê-thị-Xây, phát tâm đem tư phủ của mình trùng-tu Phật-điện và bắt đầu từ đây, cảnh Già-lam ngày thêm huy-hoàng nghiêm-tịnh. Bấy giờ các bạn hãy đi ra phía trước sân chùa nhìn vào, các bạn sẽ thấy các câu trường đối khắc vào dãy cột ở hiên chùa, nguyên văn như sau :

Câu ở căn giữa của chánh - điện :

« Nhập viên-giác tâm, ly nhất thể tướng, tức nhất thể pháp ».

« Tùy sở tri lượng, hóa vô biên độ, ứng vô biên thân ».

Dịch :

« Xứng tánh chơn - như chẳng nhuộm mảy trần, không ngoài các pháp ».

« Theo tâm phân biệt, nọ bày hóa độ, này hiện ứng thân ».

Câu ở các căn tả hữu :

« Hoàng diệu đạo ư Tây ban, tế nhận vi trần đại châu sa giới ».

« Chấn Truyền-Tôn vu thứ độ, ân đồng cụ hải đức tịnh Tu-di ».

Dịch :

« Tây thiên diệu-đạo con truyền, nhỏ thấu vi trần, lớn trùm sa giới ».

« Nam độ Truyền-Tôn vẫn thanh, ơn tày đại hải đức sáng cao sơn ».

Và câu trường đối ở hai căn chái :

« Nhơn nhơn Phật tánh nhơn thứ giới tha phương quy giác hải ».

« Pháp pháp bình đẳng pháp, nham hoa dạ thảo tông chơn thường ».

Dịch :

« Phật tánh có riêng ai, khe cạn sông dài về biển giác ».

« Mộng hờn du đã tịnh, hoa rừng cỏ nội thấy non Linh ».

Ngoài ba gian chánh - diện và năm căn tiền đường là nơi để thờ tự, còn hai chái của chùa là tịnh-liêu của chúng tăng và ngài Hòa-thượng Tọa chủ ở.

Bây giờ các bạn hãy đi vòng ra phía sau chùa, các bạn sẽ thấy hai dãy nhà xây đối diện nhau. Đây là hai nhà tả hữu dùng làm phòng khách và trai đường.

Như vậy, nếu nhìn tổng quát, các bạn sẽ thấy chùa xây cất và bố cục theo hình chữ nôm.

Đứng nhìn ngôi Tờ-dình tuy chẳng có gì là tráng lệ nguy nga nhưng vẫn không kém phần trang-nghiêm, hùng-vĩ, các bạn sẽ băng - khuâng tự hỏi : không biết ngôi chùa này do ai khai

ing và khai sáng từ đời nào ? Ngôi chùa chắc đã được trùng tu
hiều lần. Trùng tu vào những năm nào và ai là người đứng trùng
t ? Hiện nay đối với các Tổ-dinh ở Huế, chùa Thuyền-Tôn
ó một địa vị như thế nào ? Và cuối cùng chắc các bạn cũng
ó có một ước vọng gì về Phật-sự, tại ngôi Tổ-dinh Thuyền-
Tôn này ?

Đề với bớt những băng-khuâng trên, tôi sẽ lần lượt kể sơ
qua lịch-sử của chùa đề các bạn cùng nghe :

Chùa Thuyền - Tôn do ngài Hòa - thượng Liễu-Quán khai
sáng. Hòa-thượng họ Lê, húy Thiệt-Diệu, người làng Bạc-Mã,
huyện Đồng - Xuân, tỉnh Phú - Yên tức Sông-Cầu bây giờ (1).
Theo tương-truyền thì sau khi Hòa -thượng từ giả chùa Viên-
Thông (chùa này cũng do Ngài sáng lập) ở chân núi Ngự-Bình,
Ngài liền vào đây lập thảo - am tu niệm. Người ta còn truyền
miệng lại rằng : khi vào tịnh trú tại đây, Ngài rất chuyên cần tu
niệm đến nỗi có những hôm không thấy bóng Ngài xuống các
làng mạc lân cận hóa duyên, dân làng lên tìm thăm Ngài thì
thấy Ngài dùng ngọc trai bằng thứ rong vớt từ khe hồ lên. Thấy vậy
dân làng rất cảm-động và rất kính mến đạo-hạnh của ngài. Và
cũng từ đó danh đức Ngài ngày càng lan rộng. Cho nên một hôm
các vị lão quan của triều Lê hay tin, liền cùng nhau đến bái
yết Ngài, và sau khi biết rõ đạo hạnh của Ngài, các lão quan
liền xin quy-y và nguyện cùng nhau xây cất Già-lam đề làm nơi
truyền-bá Chánh-pháp của đức Phật.

Như thế có phải các vị lão quan này đã đứng xây cất chùa
vào năm Canh-hung thứ 8 (1747) như đã ghi ở bức biển hiệu
chùa không ? — Không phải; Vì theo tài liệu tiểu-sử của Hòa-
thượng Liễu-Quán được tạo vào tấm bia đá hiện dựng tại tháp
Ngài, thì Hòa-thượng viên tịch vào năm thứ III (1742). Nghĩa
là từ khi Ngài viên tịch đến khi có bức biển ấy, đã trải qua
một thời gian 6 năm (1742 — 1747).

Như thế, chùa Thuyền-Tôn chắc hẳn không phải được xây cất đầu tiên vào năm Cảnh-hưng thứ 8. Năm Cảnh-hưng thứ 8 chỉ là năm chùa Thuyền-Tôn được trùng tu và mở mang thêm mà thôi. Cứ theo một vài tài liệu lịch sử khác, có lẽ chùa Thuyền-Tôn được xây cất đầu tiên vào khoảng năm Vĩnh-Thạnh thứ IV (Lê-Dụ-Tôn 1708). Vì sau khi Hòa-thượng Liễu Quán đến Long-Sơn (chùa Từ-Đàm Huế) cầu Hòa-thượng Từ-Dung ẩn chúng xong, mới vào lập thảo am ở núi Thiệu-thái tu tập và có lẽ chùa được xây cất cũng trong khoảng thời gian này.

Còn về việc trùng tu thì từ trước chùa Thuyền-tôn đã được trùng tu nhiều lần rồi. Vì vậy chùa cũng đã đổ nát nhiều theo chuỗi thời gian dài đằng đằng ấy.

Không thể trì hoãn được trước cảnh Tô-dình bị đổ nát này, nên cận lai vào năm Canh-thìn (1940) tức năm Bảo-Đại thứ 15, Sơn môn Tăng-già Thừa-thiên (nay đổi lại là Giáo-hội Tăng-già Thừa-thiên) đã hợp cùng với môn-phái Thuyền-Tôn đứng ra đại trùng tu Tô-dình. Nay Tô-dình có vẻ mới mẻ và tiêm-tất như thế, chính là do trùng tu trong dịp này vậy.

Còn địa vị hiện nay của chùa Thuyền-Tôn so với các Tô-dình khác ở Huế như thế nào, điều này chắc các bạn cũng đã biết được ít nhiều. Chùa Thuyền-Tôn là nơi căn cội của phái Liễu-Quán, mà Liễu-Quán là một nhánh lớn của phái Lâm-Tế, được truyền từ Phật-giáo Trung-quốc sang, hiện nay đa số các bậc Tăng-già ở trong các cấp lãnh đạo Phật-Giáo Việt-Nam và phần đông tín-đồ Phật-tử đều thuộc về phái Lâm-Tế này cả. Hơn nữa, Hòa-thượng Liễu-Quán lại là một danh Tăng Việt-Nam ở miền Trung. Đầu tiên được ngài Hòa-thượng Từ-Dung người Trung-Hoa (Tổ khai-sơn chùa Từ-Đàm Huế) trao truyền tổ đạo. Vì vậy, ngoài tính-cách một môn-phái lớn, ngôi chùa Thuyền-Tôn còn là nơi cư-trú của một danh tăng Việt-Nam đã gây được một ảnh hưởng tốt, một sự nghiệp vĩ

đại trong sự tu-hành và truyền bá Chánh-pháp cho Phật-giáo nước nhà. Cho nên Thuyền-Tôn là một Tổ-đình có một địa vị rất quan trọng ở xứ Huế nói riêng, và Việt-Nam nói chung.

Bây giờ, trước khi tạm chia tay, chúng ta còn một điều nữa cần trao cho nhau, ấy là những điều ước vọng về một vài Phật-sự của chúng ta đối với ngôi Tổ-đình mà chúng ta có nhiều cảm tình và tôn kính.

Theo ý kiến của một vài bạn, mà tôi được nghe như : có bạn đề nghị nên tổ chức tại chùa Thuyền-Tôn một cơ quan nghiên-cứu Phật-giáo và cố nhiên là các kinh sách có giá trị của Phật-giáo phải được tập trung về đây, làm thành một thư viện Phật-giáo công cộng để mọi người được lui tới nghiên-cứu. Một bạn khác lại có ý kiến rằng : ở đây cảnh chùa yên tĩnh xa cách phố phường có thể đặc biệt tổ chức một thuyền-viện, để cho những người có thiện chí muốn chuyên tu về các môn thuyền-quán của Phật-giáo. Và có bạn lại già quá và đã nghĩ đến những chuyện xa xuôi như : nên tổ chức ở Thuyền-Tôn một viện an-dưỡng, để các vị Tăng-già sau một thời gian truyền giáo, đến lúc tuổi già hoặc đau ốm vẫn an tâm có nơi yên nghỉ và điều dưỡng.

Tóm lại, nghe qua những ý kiến dị đồng của các bạn, tôi thấy các bạn rất thiết tha với tiền-đồ Phật-sự của nước nhà, và không nhiều thì ít, các bạn cũng đã muốn rằng : không những riêng Tổ-đình Thuyền-Tôn mà ngay cả các Tổ-đình khác của Phật-giáo cũng phải được tổ chức thành những cơ quan tu tập, truyền giáo chuyên nhất, chứ nếu Tổ-đình nào cũng chỉ đặt nặng một việc thờ tự vào một lễ lối cũ kỹ như những nhà thờ họ xưa nay, thì sợ không thích hợp lắm cho sự cung ứng đối với trào lưu.

Tôi tin chắc rằng thiện chí của các bạn sẽ được sáng tỏ như ánh bình minh.

TÔI NÓI CHUYỆN VỚI BÁC SIÊU

QUẢNG - HUỆ

Ở HUỆ, không ai là không biết bác Siêu, người ta thường gọi «Bác Siêu từ-thiện». Bác xuất thân từ một gia-đình khá giả. Thường tình như trăm ngàn người khác, với gia tài đáng kể của cha mẹ để lại, Bác cũng có thể có nhà lầu, phố xá, sống cuộc đời hào nhoáng, thư thả. Về sở học, Bác đã hiểu biết rộng về Pháp-văn và Hán-văn. Trước đây, trong thời Pháp thuộc, Bác đã trốn tránh nhà cầm quyền để đến nhà cụ Phan-Bội-Châu học xong toàn bộ kinh Dịch. Những vốn liếng ấy nhất định sẽ giúp phương tiện dễ dàng cho kẻ nào muốn tiến thân, lập «công danh». Nhưng đối với Bác Siêu, cái quan niệm về đời sống, về con đường phục-vụ, hướng theo một chiều khác. Cho nên đã 10 năm nay, Bác đã hòa mình trong đời sống bần hàn, làm người bạn chí thân của kẻ nghèo khổ; làm người khách bất-thỉnh của những ngôi nhà rách rưới, phòng bệnh bố-thi, các trại tế bần...

Đó là những điều của một vị Giảng-sư rất quen với Bác kể cho tôi nghe.

Cảm phục về tinh-thần cao đẹp của Bác, tôi đã có lần đến tận nhà hỏi thăm Bác, nhưng không gặp. Một hôm tình cờ Bác lại đến nhà tôi.

Chiều hôm ấy ngay sau phút giới thiệu, câu chuyện đã tự nhiên, thân mật, tuy đây là lần đầu tôi gặp Bác. Bác giản dị quá! Chiếc áo dài đen cũ, đôi dép cao su, tất cả nhuộm màu nắng sương ghi vào trí tôi rõ ràng một tinh thần tận tụy xông pha.

Bác cho tôi biết:

— Tôi nghe nói anh muốn gặp tôi, nên nhân dịp đi ngang đây, tôi ghé lại thăm anh.

Tôi hẳn khoản đã làm phiền đến Bác và định nói vài câu xin lỗi, nhưng tôi cảm thấy thở lộ ra lời có thể sẽ thành khách sáo. Tôi im lặng một lát rồi xin Bác cho phép được hỏi thăm một vài điều về công tác Từ-thiện. Bác tỏ vẻ rất sẵn lòng. Tôi suy nghĩ một chút để sắp đặt câu hỏi cho có lớp lang rồi bắt đầu :

— Xin Bác cho biết về thân thế của Bác và của gia đình.

Thong thả và vui vẻ, Bác trả lời, trong lúc tôi chăm chú theo dõi :

— Tôi xuất thân trong một gia đình cổ tương đối khá tiền của. Thuở nhỏ, tôi được nuôi nấng đầy đủ, được cho ăn đi học. Nhưng ý tưởng của tôi không như bè bạn của tôi. Tôi còn nhớ hồi học lớp nhì, thầy giáo có hỏi học sinh về việc làm sau này của mình. Có người trả lời sẽ làm ông tham, ông phán, có người trả lời sẽ làm thầy thông, thầy lại. Đến phiên tôi, tôi trả lời khác : « Tôi muốn làm một người nghèo khổ để thông cảm và cứu giúp những người nghèo khổ » Tôi không có ý lập-dị chút nào, vì hồi ấy tôi đã đọc được cuốn sách « la chaumière indienne » và tôi bắt đầu ý thức cuộc đời của tôi.

Tôi ra đời nghèo khổ như chính tôi đã tự nguyện. Tôi bán sách báo trong nhiều năm. Luôn luôn tôi thấy cần tìm cho mình một lối sống. Tôi đọc thêm nhiều sách tôn giáo, có cả thánh kinh. Tôi so sánh và cuối cùng tôi thấy con đường tu hành của Phật-giáo là đúng đắn duy nhất. Tôi quyết đi vào con đường ấy.

Lời Bác chân thành và dứt khoát. Tôi càng cảm phục Bác hơn trước và ghi mãi lời phát tâm tốt đẹp của người Phật-tử đáng kính mến. « Tôi nguyện làm một kẻ nghèo khổ để thông cảm và cứu giúp người nghèo khổ »,

Sau đó tôi đi vào phần chính :

— Xin Bác cho biết công việc từ thiện hàng ngày của Bác
Bác ngừng một giây lát, rồi vui vẻ kể cho tôi nghe :

— Tôi bận từ sáng sớm cho đến tối. Tôi ra đi, mang số gạo tiền-dã xin gom góp được, để chia sớt cho những người đau ốm, tật nguyền. Và của riêng tôi, tôi chỉ có tấm lòng.

Bác phân tích :

— «Tứ thiện phải gồm hai mặt : bên trong và bên ngoài. Tiền của chỉ xoa dịu được khổ cực vật chất bên ngoài. Đi vào bên trong lại là cần thiết hơn. Phải làm dịu bớt sự đau khổ trong lòng.

Tôi đã đến với người ho lao, với người phung. Tôi đã đến với người đui mù tật nguyền. Ở những nơi tôi đến, tôi thấy như chính tôi đang làm vào cảnh ấy, chính tôi đang có cái khổ của họ. Rồi tôi thông cảm với họ, tôi an ủi họ. Bằng cách này, tôi đã đạt được nhiều kết quả. Có chỗ nương tựa, họ thấy lòng họ bớt khổ đau, Rồi tôi trao đổi với họ những hiểu biết của tôi về đạo Phật. Những lúc này, tôi thấy họ thông cảm rất dễ dàng lời Phật dạy. Và họ thấy đời họ có hướng đi, thấy họ có thể làm gì để cứu khổ cho họ và cho người khác».

Tôi chăm chú nghe, như một học sinh đang nghe thầy giảng bài. Rồi tôi rót nước mời Bác và xin Bác kể cho một vài mẩu chuyện cảm động nhất trong lúc thi hành Phật sự.

Bác đặt chén nước vừa uống xong xuống bàn và tiếp tục :

— Mười năm nay, tôi say sưa làm việc. Chuyện cảm động thì khá nhiều, trong phạm vi thi giờ này, không thể kể hết được. Nhưng cũng có vài chuyện có màu sắc^{on} đặc biệt hơn một chút.

Và Bác thuật lại chuyện một người Công-giáo ở gần Kim-long. Ông ta đau ho lao. Bác đã đến săn sóc ông ta, Bác đã nói đến Chúa và cầu nguyện cho ông ta mau lành. Ông ta đã nhận sự giúp đỡ thường xuyên của Bác. Những quả cam ngọt, những bát gạo thập phương, cùng trao cho ông ta với cả tấm lòng chia khổ chán thành. Mãi đến một hôm, thấy mình gần kiệt sức, ông ta nhân Bác đến, nắm tay Bác rơm rớm nước mắt. Ông ta nói :

« Tôi biết cả rồi. Tôi biết Bác là người theo Phật. Điều này làm tôi cảm động lắm, vì lâu nay Bác chỉ nghĩ đến kẻ đau khổ này mà cầu nguyện. Hôm nay đây, tôi biết tôi không còn sống được nữa. Vậy xin Bác cho phép tôi cầu nguyện cho Bác sức khỏe để thi hành Phật sự được chu toàn.» Bác cảm động chấp tay niệm Phật trong lúc ông ta kính cẩn chấp tay trước ngực, yên lặng. Tình thương của loài người đã vượt ra ngoài màu sắc chật hẹp.

Chuyện thứ hai Bác kể lại cho tôi là chuyện ông lão mù ở Nam giao. Tật nguyện đã bắt buộc ông lão phải vất vưởng đi ăn xin. Bác đã đến giúp đỡ ông lão, lần hồi tập cho ông làm vườn, dần dất để sinh sống. Những lần Bác nói chuyện Phật là những lần ông lão nghe chăm chú, say sưa. Ông lão nguyện phát tâm lành, ăn chay trường trai. Từ đó ấy, ông lão từ chối tiền gạo Bác giúp đỡ và nhờ Bác san sẻ cho người nghèo khổ khác. Không những thế, ông lão còn lấy gạo tiền của chính công sức mình làm ra để nhờ Bác chuyển đến những người gặp cảnh ngộ đáng thương hơn. Tính đến nay, ông lão mù Nam giao đã trường trai hơn bảy năm rồi...

Trời muốn tối. Lại thêm có mưa nhẹ.

Bác đứng dậy định từ giã. Tôi thấy còn nhiều điều muốn hỏi thêm và Bác cũng còn nhiều chuyện nói chưa hết. Nhưng phải chờ dịp khác vì Bác có công việc cần về. Tôi hứa sẽ đến tận nhà thăm Bác.

Bác đã đi ra cửa, đến lấy chiếc xe đạp cũ kỹ dựng ở bên tường. Tôi đi theo tiễn chùn Bic. Bỗng tôi chú ý vào hai chiếc bị nhỏ cuộn lại, chõu sau xe. Tôi đoán là hai chiếc bị đựng gạo mà Bác đã góp nhặt từ những tấm lòng tốt. Ngày mai đây, số gạo ấy sẽ đến tay những kẻ nghèo nàn.

Bác đã lên xe. Tôi nhìn theo. Chiếc xe, bị gạo và con người, tất cả đều trung kiên trong nhiệm vụ từ thiện, một hình thái của lòng Từ-bi rộng rãi trong đạo Phật. Phải chăng đó là chân giá trị, đó là những gì đáng cho chúng ta kính mến và phát huy.

THÁI TỬ GOTAMA...

(tiếp theo trang 11)

Rồi Ta, một kẻ còn bị sống chết, đã nhận rõ sự đau khổ thiết thời của vật đồng loại... (như trên) và quyết tìm cảnh giới an tịnh vô thượng, cảnh giới Niết-Bàn, thoát ngoài chi phối phiền não. Ta đã chứng ngộ sự lịnh lạc rốt ráo của Niết-Bàn, thoát ngoài chi phối phiền não, và trong Ta tri-huệ sáng chói, trong Ta tánh giác hiểu lộ, và Ta hiểu rằng: Giải thoát đã đến với Ta, đời này là đời sống cuối cùng của Ta. Ta không còn bị sống chết luân chuyển.

Kinh Majjhima Nikaya

Lời bản.— Chí nguyện xuất gia tu hành tìm đạo của đức Phật là thoát khỏi sanh tử luân hồi và chứng được Niết Bàn tịch tịnh. Và chí nguyện ấy, giúp chúng ta hiểu rõ đạo Phật chú trọng tìm con đường đặc dẫn chúng sanh thoát khỏi gầu não của tử biệt sanh ly...

THÍCH-MINH-CHÂU dịch và bản

BỘ QUỐC DỊCH

NHẤT-THIỆT KINH HOÀN - THÀNH

THÍCH THIÊN-ÂN

BÁT cứ một dân tộc nào trên thế-giới hễ đã có một lịch-sử truyền-thống riêng thì lại có một thứ ngôn-ngữ riêng: Ngôn-ngữ diễn-đạt tư-tưởng của con người và nhờ nó con người thông cảm hiểu biết nhau. Vì thế từ xưa đến nay các tôn-giáo, triết-học cũng như các phái chính-trị trên thế-giới đã dùng ngôn-ngữ để phổ-diễn, truyền đạt tư tưởng của mình và đã đem phần thắng-lợi đến cho mình, bằng cách chinh phục tư-tưởng giới của con người và xã-hội. Xem thế đủ rõ: ngôn ngữ là một lợi-khí không thể thiếu trong khi muốn diễn đạt tư-tưởng của mình và chinh phục tư-tưởng giới của người.

Các nhà truyền đạo là gì nếu không phải là những người đi chinh phục và uốn-nắn tư-tưởng của mọi người theo với những giáo điều, mục-đích và lý tưởng mà mình đã cho là chân-chính, cao sâu? Tuy vậy, nhưng các nhà truyền-đạo không thể dùng một thứ ngôn-ngữ không ai hiểu để làm công việc ấy. Vậy thì muốn hoàn thành sức mạnh thiêng liêng cao cả của mình nhà truyền đạo tất nhiên phải dùng một thứ ngôn ngữ rất bình - dị phổ - thông, quần chúng ai ai cũng có thể hiểu được: Và ở đây ta thấy: bất cứ một thứ ngoại-ngữ dù phổ-thông đến bậc nào cũng không thể bình dị hóa trong đại đa số quần chúng được.

Vì nhận-định như thế nên trên lịch sử truyền-bá của Phật-giáo Nhật-Bản, chúng ta có thể xem như là một lịch sử diễn-dịch, chủ giải và biên-soạn Tam-tạng Thánh-điền thành tiếng quốc-ngữ. Người Nhật-Bản dù họ có một trình độ hiểu biết ngoại-ngữ khá cao, nhưng họ không thể hiểu một thứ ngoại ngữ nào hơn tiếng quốc ngữ của họ được. Vì thế Tam-tạng Thánh-điền bằng tiếng Phạn, tiếng Bali, hay bằng chữ Hán đi nữa, đối với họ cũng rất khó thông-đạt và lý-giải tường-tán, nhất là đại đa số quần chúng. Đó là sự nhu-cầu tất yếu của quần chúng đối với các nhà truyền-đạo. Và các nhà truyền-đạo ở đây đã đáp lại sự nhu cầu ấy bằng cách phiên-dịch, chủ giải Tam-tạng Thánh-điền thành tiếng quốc-ngữ để phổ-thông hóa đạo-lý Phật đà cho quần chúng.

Nhưng, như chúng ta đã biết: Tam-tạng Thánh-điền là cả một rừng giáo-lý vô-biên, nên sự phiên-dịch, chú-giải nó thành quốc-ngữ, không phải là công việc của một hai người, mà cũng không phải là công việc có thể hoàn thành trong một thời gian ngắn. Trái lại, nó đòi-hỏi ở sự liên tục làm việc, cùng kế hoạch phân-công của một đa số học-giả Phật-giáo, trong một thời-gian khá-dài mới hoàn-thành được. Phật-giáo Nhật-bản đã thực-hành theo phương-pháp ấy, nghĩa là họ đã liên tục làm việc và đã vận dụng toàn lực của tất cả các nhà học giả Phật giáo trong nước để hoàn thành bộ : Quốc-dịch nhất-thiết kinh.

Bộ Quốc-dịch nhất-thiết kinh này nội-dung gồm có 2 bộ-phần lớn : Bộ Ấn-Độ và bộ Hán-dịch. Bộ Ấn-Độ nghĩa là trực tiếp dịch ngay từ kinh-điền tiếng Phạn ra tiếng quốc-ngữ. Bộ này gồm có 156 quyển đã phiên-dịch, ấn-loát hoàn-thành từ năm showa (Chiêu hòa) thứ XI (mười một), tức là cách đây 22 năm trước. Còn bộ Hán-dịch, nghĩa là dịch từ kinh-điền chữ Hán ra tiếng quốc-ngữ, gồm có 100 quyển. Vì trận thế-giới đại-chiến thứ hai bùng nổ, nên bộ này mới phiên-dịch và ấn-loát được 66 quyển rồi đình chỉ. Nay thời thế đã ổn-định lại, nên Phật-giáo Nhật-bản đang chuẩn-bị để tiếp tục hoàn-thành trọn bộ quốc-dịch nhất-thiết-kinh (bộ Hán-dịch) gồm có 100 quyển này. Và những quyển đã được phiên-dịch ấn-hành trước thời đại-chiến, nay cũng được tu chỉnh lại kỹ-càng, rồi ấn-loát phát-hành lại cả toàn bộ mới.

(còn một kỳ nữa)



THẢ NÓ

IRA IEM

Kính gửi những gia-đình Phật-Tử bốn phương và riêng
kính tặng gia - đình Phật - Tử Xuân - An Huệ.

Kìa Oanh-Vú! sao em khờ dại thế?
Nhìn thân em thử mặc chiếc áo chi?
Nếu màu lam là ý-nghĩa của từ bi,
Thì em hãy đan tay đừng giết nó.

Đã bao lần chị em mình to nhỏ,
Đã bao lần chị khuyên bảo các em,
Chúng ngoan lên khi trước một việc
làm,
Cần suy nghĩ việc lành hay việc ác,

Thì em hơi mau nhìn về bến giác,
Mở bàn tay để chim đại bay đi,
Chị mong em đừng giết nó làm chi,
Vì nó cũng như em đời Oanh-Vú,

Cùng nhảy hót hân-hoan tìm cảnh thú,
Vội thiên-nhiên ngàn gió ngát trời
xanh,

Qua những đêm nghe tiếng hót chim
lành,
Là cảm-lường tiếng chuông chùa
ngán lạt.

Ừ: ngoan lắm biết vâng lời chị dạy
Nó bay kìa. . em thấy nó bay không?
Còn ngoảnh lui ca hót dưới nắng,
hồng,
Như vọng nhắn lời chào em Oanh-
Vú,

Vậy từ đây em là người Phật-Tử,
Quyền sờ tay cần phải có trong tay,
Đề ghi biên thiện ác của mỗi ngày,
Tuần tới cộng bao nhiêu lần thiện ác,
Thôi ngoan lên lần này chị tha phạt,
Vậy lần sau đừng thế nữa nghe em,
Cứ việc lành em đếm được nhiều
thêm,
Chị sẽ thưởng em gói quà đấy nhé...

Chị rất thương Oanh-Vàng ca son
trẻ.

HUYỀN-KỶ

NHÀ vua ấy, ngay từ lúc lên ngôi báu đã giao phó cho một viên đại thần cái trọng trách sưu-tầm dưới các bầu trời xa lạ những tinh hoa rải rác trong vũ trụ và những triết lý của cuộc đời. Ý cứu-trùng muốn thu-thập những cái hay ở đời để dựng một nguyên-tắc trị dân.

Ba mươi năm trời đã qua, vị thanh niên anh-tuấn ấy chờ đợi tóc đã điểm bạc. Lễ Khánh - thọ ngũ-tuần đã cử-hành long trọng trong Hoàng-cung. Lúc ấy quan đại thần cũng về với đoàn lạc-dã, bốn vó trắng bụi đàng xa, và trên lưng chất hơn nghìn rưỡi sách quý mà vị đại-thần đã có công kết-tập.

« Trăm đã nhiều tuổi rồi, tinh hoa của trời đất nhiều đến thế,

« Trăm làm sao xem cho hết. Khanh mang về rút ngắn lại cho trăm đủ thời giờ xem ».

Đoàn lạc-dã lại chờ những pho sách đi và mười năm sau nữa, bộ sách rút ngắn lại còn năm trăm quyển được dâng lên ngự lãm.

Nhà vua vượt chòm râu bạc phau ngắn ngại phần :

« Hãy còn nhiều quá. Tuổi trăm đã lớn, đọc sao kịp. Khanh khá chịu khó về gạn lọc lại một lần nữa những tư-tưởng huyền-diệu trong ấy ».

Viên đại-thần tận trung không hề nghĩ đến số năm tháng đã tàn tạ trên đầu, lui về một nơi u tịch kết tinh kho tư tưởng.

Sau năm năm triển-miên, với bao nhiêu tinh-hoa và tư-tưởng cò kim đồng tây, viên quan già nua mừng rỡ khi nhìn thấy kết quả : năm trăm cuốn dồn lại chỉ còn một pho sách dày. Một pho sách dày chứa tất cả triết-ly của muôn cuộc đời. !

CUỘC ĐỜI LÀ THIẾ !!

Cuốn sách dày ấy, một buổi sáng được mang vào ngự lãm. Nhưng nhà vua đã nằm trên giường bệnh, chung quanh ngự y châu chực.

Vua mở mắt nhìn vị đại thần tận tâm và cuốn sách quý giá. Một nụ cười nhợt nhạt nở trên môi vua như ánh hoàng hôn.

Vua thở ra một giọng yếu nhỏ, viên đại thần cúi xuống lắng tai đón lấy.

« Trăm yếu ớt rồi, một trang sách còn chưa thể xem được huống là cả cuốn. Song trước khi nhắm mắt,

trăm háo-hức muốn biết qua những tư tưởng gì, những triết lý gì, đã chi phối cả đời người, đã điều khiển cả một vận mệnh. Khanh khá rút ngay cuốn sách dày này thành một cây hay vài chữ cho trăm xem kịp và đủ sức hiểu».

Nét mặt viên đại thần trở nên trăm ngăm và hai mắt già nheo lại. Tử thần đã chôn vón đầu đó. Các ngự y cúi đầu trước số mệnh. Nhà vua nằm yên khắc khoải chờ. Thời gian như ngừng hẳn lại. Không-khí trở nên nặng-nề và nghiêm-trang. Vàng son nội điện tự nhiên cũng hóa rầu rĩ. Mọi người chăm chú và kính cần nhìn viên đại-thần đang lặng lẽ đem cuộc đời thu vào một câu. Sau một hồi suy nghĩ, viên đại thần từ-từ bước đến bên án. Cả bộ văn-phòng tú-bảo hình như run lên khi bàn tay già đưa ra.

Bàn tay kính cần nâng cây bút, và nhẹ-nhàng vạch trên mảnh hoa tiên những nét buồn lung linh. Mọi người đều ngó theo. Thần chết lúc ấy đã chấp-chờn đầu-long sàng. Đã mấy lần nhắm mắt, vua mới cắt được mấy tiếng cuối cùng : *sanh, lão, bệnh, tử*.

Sanh, lão, bệnh, tử, bốn chữ đó đã gói ghém tất cả cuộc đời. Trót sinh ra mang lấy hình hài nên phải

chịu lụy, mà tiếng khóc ban đầu đã sớm báo một giọng đau thương.

«Thảo nào lúc mới chôn rau

«Đã mang tiếng khóc ban đầu
mà ra.

Tuy nhiên trong thời gian sanh — lão, con người đi tìm hạnh phúc. Không phải chơn hạnh-phúc, nhưng một thứ hạnh-phúc thông thường, già tạo, ngăn-ngủ mệnh danh là tình duyên hay danh lợi.

Đã mấy ai được hoàn toàn mãn-guuyện trong tình ? Bận chắc đã có phen thất ruột vì một tuyệt vọng, vì một sự phản bội, vì một nụ cười của con mắt giai-nhân.

Người đẹp đi sát cuộc đời ta có thể nhìn ta buổi sáng và nhìn phương trời khác buổi chiều. Người đẹp ở lòng ta có thể len lén vào lòng khác và để lại cho ta bao nhiêu tàn phá trong tâm tư. Nã-phá-Luân một anh hùng cái thế đã chinh phục bao nhiêu xứ, nhưng không ngự trị nổi tâm lòng của Joséphine.

Có phải ba phần tư nước mắt đàn bà là để k'óc những cuộc tình duyên ngang trái. Những cuộc tình duyên ngang trái do định mệnh nhưng thật ra cũng do lòng người.

Khi mùa thu bắt đầu với lá vàng, có những nàng nghiêm-nhiên đi theo những cô áo đỏ đề sang nhà khác,

tin rằng hạnh-phúc đến rước họ
Nhưng :

“*Dầu tin-tưởng chung một đời
một mộng,*

“*Anh là anh, em cứ vẫn là em.*

Cho nên những tiếng pháo nổ tiền
đưa, những lời chúc tụng nồng nàn,
giữa hoa đẹp bánh ngon kết thành
bức màn huy-hoàng, dấu cảnh lục
dục của bao gia đình. Căn nhà lớn,
giấy tường cao, kẻ đứng ngoài nhìn
sao được đồ bài trí trong tầng sâu
thẳm Ai thấu được bao nhiêu cố
gắng và hy-sinh âm thầm để tạo nên
diêm-ảnh hư-huyền.

Còn danh lợi là một ly rượu mạnh
làm say máu thanh-niên. Nhưng cũng
là ly thuốc độc đốt cháy tâm can
con người. Đó là một tiếng vang lên
trên môi, và lắng xuống đáy lòng
thành một lời bi-đát.

Những tiếng tăm còn ghi lại được
nhắc nhở đã là những lặn độn trong
những năm trường Đời của Nguyễn-
công-Trứ đã là gương sáng của bao
nhiều gian truân.

Kẻ chiến-sĩ xây công danh trên bao
nhiều tang tóc, khúc khải-hoàn vang
động nghe cho kỳ ần lời ai điệu.

Danh vọng nung cháy tâm can con
người vì nó chứa đầy lụy. Bao nhiêu
người học rộng năm xe chạy theo
cái danh, đến lúc nhìn lại thì tóc
đã bạc đầu, rồi :

“*Ngồi trông lá rụng đầy sân,*

“*Công danh phù thế có ngần
ấy thôi.*

Lúc nhấp miệng còn thấy một dư
vị đắng cay Nó gọi ra tất cả nỗi
nhọc nhằn, niềm đau khổ vì theo
đuôi một cái bóng.

Cái bóng ấy lừa loài người đến cùng
cực. Trong quán trọ, nỗi kẻ chưa
chín, nào đâu hai mươi năm công
hầu khanh tướng ?

Cái lợi đi theo cái danh. Chạy theo
cái lợi những ai đó, lúc dừng lại
nơi nhà cao cửa rộng hay ở một chốn
vách nát xác xơ, có thấy rằng lòng
mình đã rách thân đã mỏi, tâm trong
trắng vơi trí thanh khiết tới đây có
lẽ đã vấy ít bùn nhờn Cái tâm làm
tở cái hình biết bao là lụy. Molière
kịch-sĩ suốt đời chỉ cười, cười ấy phải
hiều là tiếng khóc cho kiếp phù-sinh.

Một buổi chiều thu mát, qua cố
lãng, ai chú ý những lời bi ký ? Buồn
tênh, mả lạnh, hương tàn, người nằm
dưới đất, ngày trước vương lấy
nhiều lụy trần đã có tiếng khóc từ
khi có hình hài, đã yêu, đã tha thiết
yêu, đã chạy theo giấc mơ danh lợi,
và một buổi chiều ủ rũ ấy đã đánh
đấu chấm hết cuộc đời mình bằng
cái chết sau khi đã trả lại cho thiên
hạ cả mộng và chơn.

Hỡi ai hãy tỉnh giấc mơ
noi theo con đường mà
Thái - tử Tất - Đạt - Đa đã
vạch sẵn.

TÂM-PHƯỚC

ĐẠI HỘI-ĐỒNG TỔNG-HỘI PHẬT-GIAO

Đại-Hội-Đồng Tổng-Hội Phật giáo Trung-Phần khóa 28 Niên - độ 1958 - 1959, Cử hành vào những ngày 13 và 14 tháng gêng năm Mậu - Tuất (tức 2 và 3 - 3 - 1958) tại Tổng Hội - Quán Tử - Đà Nẵng.

Toàn thể Đại-Hội-Đồng gồm có liệt-vị Chứng-minh Đại-Đạo-Sư, quý vị Giảng Sư và Đại-biêu 14 Tỉnh-Hội cùng Hội-viên phụ cận và Gia-đình Phật-Tử của Tỉnh-Hội Thừa-Thiên tham dự. Sau đây là thành phần ban trị sự niên khóa mới :

Hội-Trưởng	:		Ngài HÒA THUẬN THUYỀN TÒN
Phó Hội-Trưởng	:		Thượng Tọa THÍCH TRÍ-THỨ,
			— THÍCH HUYỀN-QUANG,
			Đạo Hữu NGUYỄN-DƯƠNG,
Tổng-Thư-Kỹ	:	—	NGUYỄN-VĂN QUI
Thư-Kỹ	:	—	NGUYỄN-DỤC
Tổng-Thủ Quỹ	:	—	LÊ-VĂN CHƯƠNG
Phó-Thủ Quỹ	:	—	CAO HỮU VĨNH
Kiểm-lý ngân sách	:	—	LÊ VĂN DŨNG
Cố-vấn	:		Thượng-Tọa
			— THÍCH ĐÔN-HẬU,
			— THÍCH MẬT-HIÊN,
			— THÍCH-MẬT-NGUYỄN,
			— THÍCH-TRÍ QUANG,
			— THÍCH-THIỆN-MINH,
	— THÍCH-THIỆN-SIÊU.		
Kiểm-Sát	:		Đạo-Hữu LÊ-MỘNG-TÙNG,
			— TÔN-THẮT-TÙNG,
			— BÙU-DU,
			— NGUYỄN HỮU-TUẤN,
			— LÊ-BÁ-Ý,
			— TRẦN-NGỌC-LAN,
	— NGUYỄN-HỮU-TÙNG.		
Ủy-viên Hoằng-Pháp	:	Thượng-Tọa	THÍCH-TRÍ-THỨ
—	Giáo-Dục	:	Đạo-Hữu LÊ-MỘNG-ĐÀO
—	Văn-Nghệ	:	— NGUYỄN-HỮU-BA
—	Gia-Đình Phật-Tử	:	— TÂM THIẾT
—	Tương-Tế	:	— VƯƠNG HƯNG-LUYẾN
—	Tử-Thiện	:	— NGUYỄN-TÂM-THẮNG.

Đại-Hội Đồng khâm khoản thỉnh Thầy Thích-Trí-Quang giữ chức vị Phó Hội Trưởng để phụ tá Ngài Hội-Trưởng. Thầy không đủ sức khỏe đảm nhận công việc có tánh cách thường xuyên ấy, nhưng Thầy hứa giúp đỡ Ngài Hội-Trưởng, nhất là việc Trường Bồ Đề, việc Xb số và GDPT của Tổng-Hội

Suốt hai ngày hội họp, toàn thể Đại-biêu 14 tỉnh hội đã thảo luận các vấn đề Phật sự quan trọng để tiến hành trong niên khóa mới. Thời gian hội họp chấm dứt, toàn thể đại-biêu ra về đều hoan hỷ và đặt rất nhiều tin tưởng...

TIN TỨC

TIN TRONG NƯỚC

Kinh lý các giáo-hội miền Trung

Ngày 18-3-1958 lúc 9 giờ sáng, Thượng - Tọa Thích - Mật - Nguyễn Trị - sự trưởng giáo-hội Tăng giá Trung-phần cùng với Giảng-sư Thích-Chơn-Trí Tổng thư-ký Giáo-hội Trung-Phần đã lên đường kinh lý Phật sự các Giáo-hội Tăng-già miền Trung. Tiền đưa phái đoàn kinh lý, người ta nhận thấy quý Thượng-Tọa Thích-Trí - Thủ, Thích - Mật - Hiền, Thích-Huyền-Quang, quý nhân viên trong Tổng trị sự giáo-hội và một số Giáo-sư và học tăng trưởng Báo-quốc. Thượng Tọa Trị-sự trưởng sẽ chủ-tọa lễ khai mạc Đại-hội-đồng Giáo hội Tăng-già Bình-định, rồi đi kinh lý các Giáo-hội khác. Giảng-sư Thích-Chơn-Trí sẽ ở lại Bình-định năm hôm để giảng dạy Phật-pháp và đường lối làm việc của Giáo-hội cho quý thầy ở tỉnh ấy.

HỘP THƯ

Liên-Hoa Nguyệt-San sẵn sàng tiếp đón bài vở quý vị trong nước và ngoài nước gửi về đăng trong số Phật-Đán 8-4. Nhưng yêu cầu quý-vị hãy gửi bài vở về Tòa - soạn trước ngày mùng 5 tháng 3 âm lịch (23 4-1958) chúng tôi sắp đặt in mới kịp. Mong quý vị hoan-hỷ và tích-cực sáng tác để cúng dường trong ngày Phật-Đán. L.H.N.S.

Đại Đức Narada đến Saigon

Đại-đức Narada một vị Tu sĩ danh tiếng ở Tích-Lan và Thế-giới vừa rời đến Saigon. Tiếp đón Đại-đức có quý Đại-đức Tăng-già và ban Quản-trị hội Phật học Nam-phần cùng ông Tổng Lãnh-Sự Ấn-Độ quý Đại-diện các đoàn thể Phật-giáo ngoại kiều. Đại-đức Narada đã lưu lại chùa Xá-lợi thụ trai và thuyết pháp về vấn đề: « Căn bản diệt khổ của đạo Phật » đồng thời có tặng một số kinh bằng Anh-văn vào thư viện của hội P.H.N.P.

Phật-giáo tại Hung-gia-Lợi

Một tu viện Phật-giáo đã được thiết lập tại thủ đô Budapest của Hung-gia-Lợi. Tu viện này đã được chính-phủ Hung thừa nhận và có đủ quyền lợi như các tu viện của các tôn-giáo khác. Hiện nay bác-sĩ Theil Erno Hetenyi điều khiển tu viện này, và sự nghiên cứu học hỏi tại viện này gồm có : các môn như : Văn-học Phật-giáo, lịch-sử, Triết-học, sinh ngữ, Tham thuyên, v.v... Tiếng Tây-Tạng là môn học bắt buộc, nhưng sinh viên có thể chọn thêm một sinh ngữ thứ hai.

Hội-nghị ăn chay Thế giới

Hội nghị ăn chay thế-giới đã họp lần thứ 15 tại Calcutta (Ấn-Độ) và đã thảo hoạch được kết quả mỹ mãn. Diễn từ các đại biểu đã nhấn mạnh về sự sai lầm cho rằng sức khỏe là nhờ ăn thịt và đã cho biết

một lực sĩ đoạt 2 mẽ-day vàng tại hội Điền-kinh quốc-tế ở Melbourne năm vừa qua là, một người ăn chay trường trai.

Điều đáng đề ý là một số đông các đại-biểu cho biết họ đã bắt đầu ăn chay sau khi xem qua lịch-sử của Đức-Phật.

Hoạt-động Phật-giáo tại Kuala Lumpur và Penang (Mã-Lai)

Dưới sự hướng dẫn của ông hội-trưởng Ycoh Cheang Aun, hội Phật-giáo Penang đã đạt nhiều thành tích khả quan trong sự nghiên cứu thực-hành và truyền-bá Phật-giáo. Đầu năm nay hội đã khởi sự xây dựng một trường học của hội với số tiền 200.000\$ (tiền Mã Lai). Để khuyến khích các hoạt động về tôn-giáo, giáo-dục, và xã-hội, hội đã thành lập một câu lạc bộ Thanh-niên.

Hộp thư

Quý độc giả muốn hỏi về Liên Hoa hoặc thanh toán tiền bạc, xin mời đến Tòa-soạn (25 Tô-hiến-Thành chùa Diệu Đế Huế) vào những buổi chiều Thứ hai, Thứ năm và Thứ bảy trong giờ làm việc từ 2 giờ 30 đến 5 giờ.

LIÊN-HOA